

# TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

● NGUYỄN HOÀNG PHI NAM - LÊ THỊ HỒNG HOA  
- TRẦN NGUYỄN KIM THY - TRƯƠNG TẤN THỊNH

## TÓM TẮT:

Bài viết nghiên cứu về tác động của Covid-19 đến hoạt động của các doanh nghiệp (DN) niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) trong giai đoạn từ quý 1/2019 đến quý 4/2021. Kết quả cho thấy các yếu tố: (1) Số ca mắc Covid-19 lũy kế (Cumulativecases), (2) Số ca mắc Covid-19 mới (NewCases), (3) Quy mô DN (Firmsize), (4) Đòn bẩy tài chính (Leverage), (5) Tính hữu hình của tài sản (Tangibility), (6) Dòng tiền (Cashflow) có tác động đến hiệu quả hoạt động của DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khóa:** hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, đòn bẩy tài chính, tính hữu hình của tài sản, dòng tiền, thị trường chứng khoán Việt Nam, tác động Covid-19.

## 1. Đặt vấn đề

Vào cuối năm 2019, trên thế giới xuất hiện ca nhiễm Covid-19 đầu tiên tại thành phố Vũ Hán (Trung Quốc) và được cho là một bệnh đường hô hấp cấp có tính truyền nhiễm gây ra bởi virus corona và các biến thể của nó. Covid-19 đã gây ra sự báo động do thời điểm phát hiện bệnh, các nhà nghiên cứu vẫn chưa tìm thấy liệu pháp điều trị bằng thuốc hoặc vắc xin. Nó nhanh chóng lây lan trên phạm vi toàn cầu tính từ ngày 17/11/2019 đến nay trên thế giới đã có 630.825.034 ca nhiễm và có hơn 6,5 triệu ca tử vong. Ngoài thiệt hại về sinh mạng con người, Covid-19 còn tạo ra sự bất ổn về kinh tế và xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến các nhóm ngành khác nhau như: hàng không, ngân hàng, dầu

khí và tác động mạnh đến thị trường chứng khoán trên toàn thế giới.

Việt Nam là một trong những quốc gia mới nổi năng động nhất trên thế giới với nền kinh tế và thị trường chứng khoán đang phát triển nhanh chóng, là một trong số ít quốc gia trên thế giới tăng trưởng kinh tế dương 2,9% vào năm 2020. Giãn cách xã hội kéo dài tại các trung tâm kinh tế lớn, GDP tính đến 6 tháng đầu năm 2020 tăng 1,81% và đó cũng là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020 (theo gso.gov.vn).

Trước đây cũng đã có nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước nghiên cứu đề tài này, có thể kể một số nghiên cứu nổi bật như nghiên cứu của

Shiwei Hu và Yuyao Zhang (2021), Osama Fayeze Atayah và cộng sự (2021), Đào Lê Trang Anh và Christopher Gan (2020)... Đây là một trong những đề tài thu hút nhiều sự quan tâm của các học giả, nhà nghiên cứu tập trung và các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính DN nhưng nhìn chung, những nghiên cứu trước đây chỉ tập trung vào thị trường chứng khoán của các thị trường phát triển hoặc mới nổi như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức... Tuy nhiên, ở Việt Nam đến nay chưa có một nghiên cứu nào mang tính khái quát để các DN có thể tiếp cận, tham khảo và áp dụng trên thị trường chứng khoán.

Xuất phát từ thực trạng trên và để hiểu rõ hơn về sự ảnh hưởng của Covid-19, nhóm chúng tôi đã quyết định chọn đề tài “Tác động của Covid-19 đến hiệu quả hoạt động của các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam” để nghiên cứu.

## 2. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào các nghiên cứu trước đây và mục tiêu của bài nghiên cứu, bài viết đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:

$$\begin{aligned} ROE &= \beta_0 + \beta_1 CumulativeCases_t \\ &+ \beta_2 NewCases_t + \beta_3 FirmSize_t + \beta_4 Leverage_t \\ &+ \beta_5 Tangibility_t + \beta_6 CashFlow_t + \varepsilon_{it} \\ ROA &= \beta_0 + \beta_1 CumulativeCases_t \\ &+ \beta_2 NewCases_t + \beta_3 FirmSize_t + \beta_4 Leverage_t \\ &+ \beta_5 Tangibility_t + \beta_6 CashFlow_t + \varepsilon_{it} \end{aligned}$$

Trong đó:

- Các biến phụ thuộc:

+ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản - ROA.

ROA = Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản.

+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu - ROE.

ROE = Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu.

- Các biến độc lập:

+ Số ca mắc Covid-19 lũy kế - CumulativeCases được dự kiến tỷ lệ nghịch (-) với biến độc lập.

+ Số ca mắc Covid-19 mới - NewCases được dự kiến tỷ lệ nghịch (-) với biến độc lập.

- Các biến kiểm soát:

+ Quy mô DN - Firm Size được dự kiến tỷ lệ thuận (+) với biến độc lập. Firm Size = Logarit (tổng tài sản).

+ Đòn bẩy - Leverage được dự kiến tỷ lệ thuận (+) với biến độc lập. Leverage = (Tổng nợ/Tổng tài sản)\*100%.

+ Tính hữu hình của tài sản - Tangibility được dự

kiến tỷ lệ thuận (+) với biến độc lập. Tangibility = (Tài sản cố định hữu hình/Tổng tài sản)\*100%.

+ Dòng tiền - Cash Flow được dự kiến tỷ lệ thuận (+) với biến độc lập. Cash Flow = (Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Tổng tài sản)\*100%

## 3. Phân tích kết quả nghiên cứu

### 3.1. Thống kê mô tả

Sau khi loại trừ các DN không phù hợp, mẫu nghiên cứu được thu thập bao gồm 515 DN trong giai đoạn từ quý I/2019 đến quý IV/2021. Như vậy, tổng số quan sát của nghiên cứu là 6180.

Kết quả thống kê mô tả các biến trong mô hình cho thấy:

- Đối với biến Firm Size, giá trị trung bình là 6,557, nghĩa là trung bình các công ty trong mẫu nghiên cứu có quy mô DN, lũy thừa tổng tài sản 6,55691. Giá trị lớn nhất là 21,28968 và giá trị thấp nhất của biến này là 4,097604.

- Đối với biến Leverage, giá trị trung bình là 0,4879, có nghĩa là trung bình các công ty trong mẫu nghiên cứu có đòn bẩy tổng nợ trên tổng tài sản là 48,76%. Giá trị lớn nhất là 0,991201 (99,12%) và giá trị thấp nhất của biến này là 0 (0%).

- Đối với biến Tangibility, giá trị trung bình là 0,1853, có nghĩa là trung bình các công ty trong mẫu nghiên cứu có tính hữu hình là 18,51%, tài sản cố định hữu hình trên tổng tài sản. Giá trị lớn nhất là 0,9712277 (97,12%) và giá trị thấp nhất của biến này là 0 (0%).

- Đối với biến Cash Flow, giá trị trung bình là 0,016, nghĩa là trung bình các công ty trong mẫu nghiên cứu có dòng tiền, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên tổng tài sản 1,6%. Giá trị lớn nhất là 0,6846843 (68,47%) và giá trị thấp nhất của biến này là -0,2186681 (-21,87%).

- Đối với biến ROA, giá trị trung bình là 0,01356, nghĩa là trung bình các công ty trong mẫu nghiên cứu có lợi nhuận sau thuế chia tổng tài sản là 1,36%. Giá trị lớn nhất là 0,713381 (71,33%) và giá trị thấp nhất là -0,279263 (-27,92%).

- Đối với biến ROE, giá trị trung bình là 0,027, có nghĩa các công ty xây dựng có trung bình 2,7% lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản. Giá trị lớn nhất là 0,9755962 (97,6%) và giá trị thấp nhất của biến này là -0,9233807 (-92,3%).

- Đối với biến Cumulative, giá trị trung bình là 210248, nghĩa là số ca mắc lũy kế trong các công ty

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến trong mô hình

| Variable     | Obs   | Mean     | Std. dev. | Min       | Max      |
|--------------|-------|----------|-----------|-----------|----------|
| roa          | 6,180 | .0135637 | .025573   | -.279263  | .713381  |
| roe          | 6,180 | .0275264 | .0505385  | -.9233807 | .9755962 |
| cumulative~s | 6,180 | 210248.3 | 502455.7  | 0         | 1714742  |
| newcases     | 6,180 | 143195.9 | 318145.6  | 0         | 935344   |
| firmsize     | 6,180 | 6.557013 | 2.686888  | 4.097604  | 21.28968 |
| leverage     | 6,180 | .4879656 | .2242817  | 0         | .991201  |
| tangibility  | 6,180 | .1853228 | .2047497  | 0         | .9712277 |
| cashflow     | 6,180 | .0160896 | .0270218  | -.2186681 | .6846843 |

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ phần mềm Stata

là khoảng 210248 ca. Giá trị lớn nhất là 1714742 ca. Giá trị thấp nhất của biến này là 0 ca.

- Đối với biến Newcases, giá trị trung bình là 143196, ý nghĩa là số ca mới trong các công ty là khoảng 143196 ca. Giá trị lớn nhất là 935344 ca. Giá trị thấp nhất của biến này là 0 ca.

### 3.2. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm và kiểm định mô hình

#### 3.2.1. Ma trận tự tương quan

Theo Gujarati (2004), hệ số tương quan giữa các biến phải thấp hơn 0.8. Kết quả tại Bảng 2 cho giữa các biến cumulativecases và newcases có tương quan mạnh với nhau ( $> 0.8$ ), do đó có khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Tuy nhiên tác giả sử dụng hai biến này để đo lường tác động của Covid-19 đến hiệu quả hoạt động của các DN nên quyết định tách riêng hai biến này vào các mô hình khác nhau. Lúc này mô hình nghiên cứu này sẽ là 4 mô hình như sau:

**Mô hình 1:**  $ROE = \beta_0 + \beta_1 CumulativeCases_t + \beta_2 FirmSize_t + \beta_3 Leverage_t + \beta_4 Tangibility_t + \beta_5 CashFlow_t + \varepsilon_{it} (1)$

**Mô hình 2:**  $ROE = \beta_0 + \beta_1 NewCases_t + \beta_2 FirmSize_t + \beta_3 Leverage_t + \beta_4 Tangibility_t + \beta_5 CashFlow_t + \varepsilon_{it} (2)$

**Mô hình 3:**  $ROA = \beta_0 + \beta_1 CumulativeCases_t + \beta_2 FirmSize_t + \beta_3 Leverage_t + \beta_4 Tangibility_t + \beta_5 CashFlow_t + \varepsilon_{it} (3)$

**Mô hình 4:**  $ROA = \beta_0 + \beta_1 NewCases_t + \beta_2 FirmSize_t + \beta_3 Leverage_t + \beta_4 Tangibility_t + \beta_5 CashFlow_t + \varepsilon_{it} (4)$

#### 3.2.2. Lựa chọn mô hình

Kết quả kiểm định mô hình Pool OLS, mô hình FEM và mô hình REM của 4 mô hình cho thấy tại mô hình FEM có  $Prob > F = 0.0000 < 1\%$  nên có thể kết luận mô hình FEM hiệu quả hơn mô hình Pool OLS và mô hình REM.

Bảng 2. Ma trận hệ số tương quan

|                 | Cumulativecases | Newcases | FirmSize | Leverage | Tangibility | CashFlow |
|-----------------|-----------------|----------|----------|----------|-------------|----------|
| Cumulativecases | 1.0000          |          |          |          |             |          |
| Newcases        | 0.9613          | 1.0000   |          |          |             |          |
| FirmSize        | 0.0079          | 0.0083   | 1.0000   |          |             |          |
| Leverage        | -0.0090         | -0.0055  | 0.4524   | 1.0000   |             |          |
| Tangibility     | -0.0250         | -0.0266  | -0.1720  | -0.0881  | 1.0000      |          |
| CashFlow        | 0.0465          | 0.0291   | -0.0606  | -0.2067  | 0.0152      | 1.0000   |

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ phần mềm STATA

### 3.3. Kiểm định khuyết tật của mô hình nghiên cứu

Hiện tượng tự tương quan: Sau khi thực hiện Wooldridge test for autocorrelation cho 4 mô hình, kết quả cho thấy giá trị P-value của cả 4 mô hình đều lớn hơn 5% nên có thể kết luận không có hiện tượng tự tương quan.

Hiện tượng phương sai sai số thay đổi: Sau khi thực hiện Breusch and Pagan Lagrangian multiplier test for random effects cho 4 mô hình, kết quả cho thấy giá trị P-value < 5% nên có thể kết luận có hiện tượng tự phương sai sai số thay đổi.

Để khắc phục hiện tượng tự phương sai sai số thay đổi, nghiên cứu tiến hành chạy hồi quy FGLS cho cả 4 mô hình để không xảy ra hiện tượng tự phương sai sai số thay đổi

Đánh giá sự phù hợp của mô hình: Sử dụng kiểm định Modified Wald test để đánh giá sự phù hợp của mô hình. Kết quả cho thấy chỉ có giá trị P-value của cả 2 mô hình 3 và 4 là nhỏ hơn 5% nên có thể kết luận mô hình 3 và mô hình 4 đều phù hợp. Còn hai mô hình 1 và 2 không phù hợp với tiêu chí đề ra.

## 4. Kết luận và kiến nghị

### 4.1. Kết luận

Đề tài nghiên cứu Tác động của Covid-19 đến hiệu quả hoạt động của các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy như Bảng 3.

Kết quả tại Bảng 3 cho thấy:

- Biến Cumulativecases và Biến Newcases có tác động cùng chiều với cả ROE và ROA.
- Biến Firmsize và Biến Leverage có tác động cùng chiều với ROE nhưng có tác động ngược chiều với ROA.
- Biến Tangibility có tác động ngược chiều với ROE nhưng có tác động cùng chiều với ROA.

- Biến Cashflow cũng có tác động cùng chiều với cả ROE và ROA

Ngoài ra, số ca nhiễm Covid-19 lũy kế và số ca nhiễm Covid-19 mới cũng có mức độ ảnh hưởng khác nhau đối với từng ngành nghề, cụ thể như sau:

- Đối với biến số ca nhiễm Covid-19 lũy kế đo bằng ROE (Mô hình 1):

+ Nhóm ngành có tác động cùng chiều: Vận tải - Kho bãi; Thiết bị điện.

+ Nhóm ngành có tác động ngược chiều: Bất động sản.

+ Nhóm ngành không có tác động: Ngân hàng, Vật liệu xây dựng; Xây dựng; Tiện ích; Thực phẩm - đồ uống; Sản xuất thiết bị, máy móc; Sản xuất phụ trợ, sản xuất nhựa - hóa chất; Gia dụng; Cao su; Nông lâm ngư; Khai thác; dịch vụ tư vấn; Dịch vụ - khách sạn - ăn uống - vận chuyển; Công nghệ thông tin; Chứng khoán; Thủy sản, Sức khỏe; Bảo hiểm; Bán lẻ; Buôn bán.

- Đối với biến số ca nhiễm Covid-19 mới đo bằng ROE (Mô hình 2):

+ Nhóm ngành có tác động cùng chiều: Bảo hiểm.

+ Nhóm ngành có tác động ngược chiều: Vận tải - Kho bãi.

+ Nhóm ngành không có tác động: Vật liệu xây dựng; Xây dựng; Tiện ích; Thực phẩm - đồ uống; Thiết bị điện; Sản xuất thiết bị, máy móc; Sản xuất phụ trợ; Sản xuất nhựa - hóa chất; Gia dụng; Cao su; Nông lâm ngư; Khai thác; dịch vụ tư vấn; Dịch vụ - khách sạn - ăn uống - vận chuyển; Công nghệ thông tin; Chứng khoán; Thủy sản; Sức khỏe; Bất động sản; Bảo hiểm; Bán lẻ; Buôn bán.

**Bảng 3. Tổng hợp kết quả hồi qui FGLS của 4 mô hình (toàn thị trường)**

|                 | Mô hình 1 (ROE)<br>- Cumulativecases | Mô hình 2 (ROE)<br>- Newcases | Mô hình 3 (ROA)<br>- Cumulativecases | Mô hình 4 (ROA)<br>- Newcases |
|-----------------|--------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|
| Cumulativecases | 4.68a-10***                          |                               | -1.14e-11**                          |                               |
| Newcases        |                                      | 5.47a-10**                    |                                      | -1.34e-11                     |
| Firmsize        | .0010075***                          | .0010132***                   | -.0000862***                         | -.0000863***                  |
| Leverage        | .0251486***                          | .0251328***                   | .0000344                             | .00000193                     |
| Tangibility     | -.0014494***                         | -.0014271***                  | .0004601***                          | .0004461***                   |
| Cashflow        | 1.282791***                          | 1.284992***                   | .8059384***                          | .8059516***                   |

- Đối với biến số ca nhiễm Covid-19 lũy kế đo bằng ROA (Mô hình 3):

+ Nhóm ngành có tác động cùng chiều: Xây dựng; Thiết bị điện; Dịch vụ - khách sạn - ăn uống - vận chuyển; Công nghệ thông tin.

+ Nhóm ngành có tác động ngược chiều: Ngân hàng.

+ Nhóm ngành không có tác động: Vật liệu xây dựng; Tiện ích; Vận tải - Kho bãi; Thực phẩm - đồ uống; Sản xuất thiết bị, máy móc; Sản xuất phụ trợ; Sản xuất nhựa - hóa chất; Gia dụng; Cao su; Nông lâm ngư; Khai thác; Dịch vụ tư vấn; Chứng khoán; Thủy sản; Sức khỏe; Bất động sản; Bảo hiểm; Bán lẻ; Buôn bán.

- Đối với biến số ca nhiễm Covid-19 mới đo bằng ROA (Mô hình 4):

+ Nhóm ngành có tác động cùng chiều: Vận tải - Kho bãi; Thiết bị điện; Công nghệ thông tin.

+ Nhóm ngành có tác động ngược chiều: Ngân hàng.

+ Nhóm ngành không có tác động: Vật liệu xây dựng; Xây dựng; Tiện ích; Thực phẩm - đồ uống; Sản xuất thiết bị, máy móc; Sản xuất phụ trợ; Sản xuất nhựa - hóa chất; Gia dụng; Cao su; Nông lâm ngư; Khai thác; Dịch vụ tư vấn; Dịch vụ - khách sạn - ăn uống - vận chuyển; Chứng khoán; Thủy sản; Sức khỏe; Bất động sản; Bảo hiểm; Bán lẻ; Buôn bán.

+ Nhóm ngành còn lại như: Vật liệu xây dựng; Tiện ích; Thực phẩm - đồ uống; Sản xuất thiết bị, máy móc; Sản xuất phụ trợ; Sản xuất nhựa - hóa chất; Gia dụng; Cao su; Nông lâm ngư; Khai thác;

dịch vụ tư vấn; Chứng khoán; Thủy sản; Sức khỏe; Bảo hiểm; Bán lẻ; Buôn bán luôn không chịu tác động bởi biến số ca nhiễm Covid-19 lũy kế và biến số ca nhiễm Covid-19 mới khi đo bằng ROE, ROA cả 4 mô hình.

#### **4.2. Kiến nghị**

Trong bối cảnh khó khăn kinh tế do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các DN cần tập trung vào tăng cường hiệu quả sử dụng vốn để tăng ROE và ROA, đồng thời tìm kiếm các nguồn tài chính mới và tiết kiệm chi phí để tối đa hóa lợi nhuận.

Các DN cần cân nhắc các quyết định về vay nợ và sử dụng đòn bẩy tài chính một cách thận trọng và hợp lý để tránh các rủi ro tài chính. Việc lựa chọn đúng thời điểm, tỷ lệ và các điều kiện của vay nợ, đòn bẩy tài chính rất quan trọng để tránh các rủi ro tài chính và tối đa hóa lợi ích cho DN.

Các DN cần tập trung vào việc tăng tính hữu hình của tài sản, tập trung vào việc sở hữu các tài sản hữu hình như đất đai, nhà xưởng, thiết bị,... để tăng tính ổn định và đáng tin cậy của DN.

Các DN cần tìm cách duy trì dòng tiền một cách ổn định và đảm bảo đủ lớn để đáp ứng các nhu cầu kinh doanh, đồng thời tìm cách tăng cường quản lý và sử dụng dòng tiền một cách hiệu quả.

Tùy vào ngành nghề của DN, đại dịch Covid-19 sẽ có mức ảnh hưởng khác nhau, đặc biệt là các ngành như: Vận tải - Kho bãi, Thiết bị điện, Công nghệ thông tin, Ngân hàng,... DN cần những chính sách và biện pháp thích hợp với đặc điểm ngành nghề của công ty mình trong tình huống đại dịch Covid-19 có thể bùng phát trở lại ■

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Bose, S., Shams, S., Ali, M. J., & Mihret, D. (2022). COVID-19 impact, sustainability performance and firm value: international evidence. *Accounting & Finance*, 62(1), 597-643.
2. Fahlenbrach, R., Rageth, K., & Stulz, R. M. (2021). How valuable is financial flexibility when revenue stops? Evidence from the COVID-19 crisis. *The Review of Financial Studies*, 34(11), 5474-5521.
3. Khatib, S. F., & Nour, A. N. I. (2021). The impact of corporate governance on firm performance during the COVID-19 pandemic: Evidence from Malaysia. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(2), 0943-0952.
4. Liu, H., Manzoor, A., Wang, C., Zhang, L., & Manzoor, Z. (2020). The COVID-19 outbreak and affected countries stock markets response. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17(8), 2800.
5. Liu, H., Yi, X., & Yin, L. (2021). The impact of operating flexibility on firms performance during the COVID-19 outbreak: Evidence from China. *Finance research letters*, 38, 101808.

6. Myers, S. C., & Majluf, N. S. (1984). Corporate financing and investment decisions when firms have information that investors do not have. *Journal of financial economics*, 13(2), 187-221.
7. Papachristou, S., Stamatou, I., Stoian, A. P., & Papanas, N. (2021). New-onset diabetes in COVID-19: time to frame its fearful symmetry. *Diabetes Therapy*, 12, 461-464.

**Ngày nhận bài: 15/2/2023**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/3/2023**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 30/3/2023**

*Thông tin tác giả:*

**1. ThS. NGUYỄN HOÀNG PHI NAM**

**Giảng viên Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh**

**2. LÊ THỊ HỒNG HOA**

**3. TRƯƠNG TẤN THỊNH**

**4. TRẦN NGUYỄN KIM THY**

**Sinh viên Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh**

## IMPACTS OF COVID-9 PANDEMIC ON LISTED COMPANIES IN VIETNAM

● Master. NGUYEN HOANG PHI NAM<sup>1</sup>

● LE THI HONG HOA<sup>2</sup>

● TRUONG TAN THINH<sup>2</sup>

● TRAN NGUYEN KIM THUY<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Lecturer, Faculty of Accounting - Audit, Ho Chi Minh City Open University

<sup>2</sup>Student, Faculty of Accounting - Audit, Ho Chi Minh City Open University

### ABSTRACT:

This study explores the impacts of COVID-19 pandemic on the performance of companies listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HoSE) and Hanoi Stock Exchange (HNX) over the period from the first quarter of 2019 to the fourth quarter of 2021. The study finds out that these following factors: (1) Cumulative number of COVID-19 cases (Cumulativecases), (2) Number of new Covid-19 cases (NewCases), (3) Business size (Firmsize), (4) Financial leverage (Leverage), (5) Tangibility of assets (Tangibility), and (6) Cashflow (Cashflow) all impact the performance of listed companies in Vietnam.

**Keywords:** business performance, financial leverage, asset tangibility, cash flow, Vietnam's stock market, impacts of the COVID-19.